TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày: 09-02-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 257/2017/TLST-DS ngày 01/11/2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2017/QĐXXST-DS ngày 28/12/2017, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Tầng 1-7 Tòa nhà T, Số 72, phố T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thúc Đ, sinh năm 1988; chức vụ: Nhân viên pháp lý; địa chỉ liên hệ: Lầu 5, Tòa nhà 144, đường C, Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2017); xin vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà Lâm Thị Sà R, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Nhà trọ Dương Văn L thuộc Tổ 4, khu phố B, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2017, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Thúc Đ trình bày: Ngày 10/5/2015, bà Lâm Thị Sà R có ký kết Hợp đồng tín dụng số 20150511-104037-0001 với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền 30.005.563 đồng với lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Lâm Thị Sà R có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 55.144.000 đồng (cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.533.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.489.000 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 13/6/2015.

Thực hiện hợp đồng, bà Lâm Thị Sà R đã nhận đủ số tiền nêu trên để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng TMCP V được 07 kỳ với tổng số tiền đã thanh

toán là 9.198.000 đồng. Tuy nhiên từ ngày 08/11/2016 đến nay, bà Lâm Thị Sà R không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần.

Hiện bị đơn bà Lâm Thị Sà R còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 40.965.547 đồng (*Bốn mươi triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng*) (trong đó khoản nợ đến hạn là 25.528.000 đồng và nợ gốc chưa đến hạn là 16.437.547 đồng).

Việc bà R đề nghị được thanh toán mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì hai bên sẽ thỏa thuận tại cơ quan Thi hành án dân sự.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn bà Lâm Thị Sà R phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ vay là 40.965.547 đồng (Bốn mươi triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó khoản nợ đến hạn là 25.528.000 đồng và nợ gốc chưa đến hạn là 16.437.547 đồng.

Do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên ông Đ có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

***- Bị đơn bà Lâm Thị Sà R trình bày*:** Bà R thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và thừa nhận ngày 10/5/2015, bà Lâm Thị Sà R có ký kết Hợp đồng tín dụng số 20150511-104037-0001 với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền 30.005.563 đồng với lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên chỉ mới thanh toán được cho nguyên đơn số tiền là 9.198.000 đồng. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại là 25.528.000 đồng và xin giảm mức lãi suất xuống còn 1%/tháng; đồng thời bà R đề nghị được thanh toán cho ngân hàng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên bà R có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp trong hồ sơ vụ án thể hiện Hợp đồng tín dụng số 20150511-104037-0001 ngày 10/5/2015 chỉ có chữ ký của bị đơn bà Lâm Thị Sà R mà chưa có xác nhận của Ngân hàng TMCP V. Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa yêu cầu nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ chứng minh Hợp đồng tín dụng số 20150511-104037-0001 ngày 10/5/2015 có sự xác nhận của Ngân hàng TMCP V. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được nên nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điểm g Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng mà bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị Sà R phải trả số tiền nợ vay còn lại là 40.965.547 đồng (*Bốn mươi triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng*), Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp trong hồ sơ vụ án thể hiện Hợp đồng tín dụng số 20150511-104037-0001 ngày 10/5/2015 chỉ có chữ ký của bị đơn bà Lâm Thị Sà R mà chưa có xác nhận của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V). Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa yêu cầu nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ chứng minh Hợp đồng tín dụng số 20150511-104037-0001 ngày 10/5/2015 có sự xác nhận của Ngân hàng V. Nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nhưng tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2017 bà R thừa nhận đã ký kết hợp đồng tín dụng và đã nhận đủ số tiền vay 30.005.563 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Rọl đã thanh toán được 07 lần với tổng số tiền là 9.198.000 đồng. Bà R thống nhất về số nợ gốc, mức lãi suất, số tiền lãi và đồng ý trả số tiền nợ gốc còn lại. Như vậy, đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét thấy nguyên đơn không cung cấp được bản chính hoặc bản sao Hợp đồng tín dụng số 20150511-104037-0001 ngày 10/5/2015 có xác nhận của Ngân hàng V. Tại bản pho to Hợp đồng tín dụng số 20150511-104037-0001 ngày 10/5/2015 chỉ có chữ ký của bị đơn bà Lâm Thị Sà R không có chữ ký và dấu xác nhận của Ngân hàng V. Căn cứ vào Điều 134 Bộ luật dân sự năm 2005 thì hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức. Về hậu quả, theo quy định tại Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 thì các bên phải trả lại cho nhau những gì đã nhận. Tuy nhiên, bị đơn đồng ý trả lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất xuống còn 1%/tháng đối với số tiền gốc còn lại và mức lãi suất nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của bà R. Nên cần buộc bà R phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền gốc là 25.528.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 08/11/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 09/02/2018 (15 tháng) thành tiền là 3.829.000 đồng. Tổng số tiền bà R phải thanh toán cho Ngân hàng V là 29.357.000 đồng.

[2.3] Về phương thức thanh toán: Bà R đề nghị được thanh toán nợ cho Ngân hàng V mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Căn cứ Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập vào việc thanh toán nợ của các đương sự.

[2.4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần.

[2.5] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều Điều 134, Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 90, 91 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 17 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005);

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Lâm Thị Sà R.

2. Bà Lâm Thị Sà R phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 29.357.000 đồng (*Hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Lâm Thị Sà R phải nộp số tiền 1.468.000 đồng (*Một triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải nộp số tiền 581.000 đồng (*Năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền 1.628.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003876, ngày 21/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng; trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 1.047.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- THADS thị xã T (01);
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Sóc Trăng (01)
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hiền